Ngườ ký: TRUNG TÂM THÔNG TIN - HỘI NGHỊ TỈNH QUẢNG NGÃI
Email: tthn@quangngai.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 20.11.2026 16:31:15 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2817 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín của Công ty TNHH ĐTPT Bắc Tây Nguyên tại Công văn số 11/VB-BTN ngày 11 tháng 11 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1135/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH ĐTPT Bắc Tây Nguyên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Rờ Kơi, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung tham mưu đề xuất; đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND xã Rờ Kơi; Giám đốc Công ty TNHH ĐTPT Bắc Tây Nguyên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP Tạ Văn Lực, TTHC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.LTHH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Tâm Hiển

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín
(Kèm theo Quyết định số 2817 /QĐ-UBND
ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín.

- Địa điểm thực hiện: Xã Rờ Kơi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH ĐTPT Bắc Tây Nguyên *(Địa chỉ: 553 Đường Hùng Vương, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi).*

Dự án đã được UBND tỉnh Kon Tum (cũ) chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025.

1.2. Quy mô, công suất

+ Diện tích sử dụng đất: 164.717,3 m^2.

+ Công suất dự án: 16.000 con heo thịt/đợt. Mỗi năm nuôi 2 đợt, tương ứng với 32.000 con heo thịt/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

1.3.1. Quy trình chăn nuôi heo

Heo con (khoảng 5-7 kg/con) → Nuôi từ 5-6 tháng (đạt trọng lượng trung bình từ 100 kg/con trở lên) → Kiểm tra đạt tiêu chuẩn về chất lượng, khối lượng → Heo thịt xuất bán.

1.3.2. Quy trình chăm sóc heo bệnh

- Heo bệnh thông thường (không do dịch) → Chuyển xuống khu cách ly, chăm sóc và điều trị bệnh → Khỏi bệnh đưa về chuồng (trường hợp heo chết sẽ đưa về thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ để xử lý).

- Heo nghi mắc bệnh do dịch → Phối hợp với cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Hạng mục công trình chính: Mười sáu (16) nhà heo thịt trên tổng diện tích sử dụng đất 20.787,84 m^2, mỗi nhà nuôi chứa tối đa là 1.000 heo thịt với diện tích xây dựng của một (01) nhà nuôi là 1.299,24 m^2. Bố trí 02 ô cuối mỗi nhà nuôi làm chuồng cách ly heo bệnh.

- Các hạng mục công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật: Mười sáu (16) nhà đặt tủ điện; hố sát trùng xe; nhà bảo vệ; trạm cân 40 tấn; nhà công nhân 20

phòng (01 nhà công nhân số 1; nhà công nhân số 2); nhà ăn, bếp ăn; khu sơ chế; tháp nước sinh hoạt 5m^3; nhà để xe; nhà kỹ thuật; trạm điện 560 kVA; nhà đặt máy phát điện; nhà điều hành; khu rửa ủng; nhà sát trùng xe; nhà phơi đồ; kho dụng cụ cơ khí; kho vật tư; kho hóa chất; kho vôi; kho cám; nhà để vỏ thuốc và rác thải rắn; Hai (02) tháp nước uống 20 m^3; Hai (02) bể chứa nước; Hai (02) bể xử lý nước lót bạt; Tám (08) bể ngâm rửa đan và sân phơi đan lợp mái; nhà nhập heo giống; chốt canh gác; Năm (05) giếng khoan; nhà bảo vệ cổng phụ; Hai (02) nhà xuất heo thịt; Mười sáu (16) silo thường 7,2 tấn; Năm (05) silo tổng 18 tấn; kim thu sét chủ động R140 m; Tám (08) bồn pha thuốc và bơm tăng áp; phòng tắm lại; nhà khách chờ ở cổng lục giác đường kính 6m; nhà sát trùng xe cổng phụ; sân đậu xe; nhà ở cách ly người vào trại; bể tái sử dụng nước thải; đường xe đi; đường dẫn heo nội bộ có mái che; đường chở phân; đường dẫn nước thải; tường rào bảo vệ Trang trại; tường rào ngăn cách khu sạch khu dơ. Tổng diện tích là 3.301,27 m^2.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường: hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải; 01 trạm xử lý nước thải có diện tích 365,75 m^2 công suất 270 m^3/ngày đêm; Nhà để rác thải nguy hại có diện tích 23,04 m^2; Nhà để rác thải thông thường có diện tích 23,04 m^2; Nhà đặt lò đốt khí biogas có diện tích 53,04 m^2; Nhà để máy ép phân có diện tích 109,44 m^2; Kho phân có diện tích 108,72 m^2; Nhà ủ phân vi sinh (nhà khử mùi, đóng bao phân) có diện tích 108,72 m^2; Nhà điều hành bể sục khí có diện tích 66,5 m^2; Nhà ở công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải 20,25 m^2; Hố hút phân (hố CT) có diện tích 32 m^2; Sân phơi bùn có diện tích 212 m^2; Hai (02) hầm biogas có tổng diện tích 1.500 m^2/hầm, chiều sâu tối đa 6m (chiều cao chứa nước 5,5m), tổng dung tích hữu dụng 5.874,0 m^3/hầm; Một (01) hồ điều hòa/lắng có tổng diện tích 300,0 m^2, chiều sâu tối đa 6m (chiều cao chứa nước 5,5m), tổng dung tích hữu dụng 564,7 m^3; Một (01) Hồ sinh học có diện tích 1.050 m^2, chiều sâu tối đa 6,5m (chiều cao chứa nước 6m), tổng dung tích hữu dụng 4.103,0 m^3; Ba (03) hồ chứa nước sau xử lý có tổng diện tích 3.750 m^2, chiều sâu tối đa 6,5m (chiều cao chứa nước 6m), tổng dung tích hữu dụng 15.129 m^3; Một (01) Hồ sự cố có diện tích 1.200,0 m^2, chiều sâu tối đa 4m (chiều cao chứa nước 3,5 m), tổng dung tích hữu dụng 3.294,7 m^3; Một (01) Hồ chứa nước mưa số 1 có diện tích 3.600,0 m^2, chiều sâu tối đa 6,5 m (chiều cao chứa nước 6 m), tổng dung tích hữu dụng 17.258,0 m^3; Một (01) Hồ chứa nước mưa số 2 có diện tích 4.550,0 m^2, chiều sâu tối đa 6,5 m (chiều cao chứa nước 6 m), tổng dung tích hữu dụng 21.203,0 m^3; 01 Nhà đặt thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ xác heo chết không do dịch bệnh có tổng diện tích 53,04 m^2; Khu chôn lấp heo chết do dịch bệnh dự kiến có diện tích 1.250 m^2, dài 50 m, rộng 25 m . Tổng diện tích là 19.875,54 m^2.

Cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly, cây xanh đường giao thông, cây xanh cách ly giữa khu chăn nuôi và hàng rào với tổng diện tích cây xanh là 80.000 m^2; diện tích khoảng 40.752,65 m^2 là đất dự trữ và đất trống giữa các hạng mục công trình.

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

Các hoạt động của dự án bao gồm xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động chăn nuôi, xử lý môi trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và tại Điều 5 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

1.6. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp, vệ sinh mặt bằng, đào đắp, san lấp nền; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động của máy móc thiết bị thi công; hoạt động thi công xây dựng các công trình.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước rửa xe, chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR thông thường, chất thải nguy hại (CTNH), ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động chăn nuôi tại các chuồng trại.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân; hoạt động sát trùng công nhân, sát trùng xe ra vào trại, dụng cụ chăn nuôi; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thức ăn, hóa chất, thuốc thú y; hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Hoạt động xử lý phân và nước thải, xử lý mùi phát sinh.

Các hoạt động trên có phát sinh nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, CTR thông thường, CTNH, phát sinh mùi hôi, tiếng ồn (tiếng heo kêu). Các hoạt động này có nguy cơ gây ô nhiễm nước dưới đất, ô nhiễm môi trường đất, sự cố hệ thống xử lý nước thải (XLNT) ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên phục vụ giai đoạn thi công Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các hợp chất dinh dưỡng (NO_3^-, PO_4^{3-}) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị, vệ sinh xe trước khi ra khỏi công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng, một phần dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là đất, cát, cành lá cây.

b. Khí thải

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền tạo mặt bằng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2, NO_2, CO.

- Bụi từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu phục vụ thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2, NO_2, CO.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải, thiết bị, máy móc thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2, NO_2, CO, VOC.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn kết cấu công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Khói hàn, CO, NO_x.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- CTR xây dựng phát sinh trong quá trình phá dỡ công trình hiện hữu Thành phân tính chất: vật liệu bê tông, gạch phá dỡ….

- Khối lượng thực bì phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật. Thành phần chủ yếu bao gồm: thân, cành, lá, rễ cây.

- Chất thải xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng. Thành phần gồm: Đất, đá, vữa, bê tông bao bì đựng xi măng, các loại hộp đựng thiết bị lắp đặt (hộp các-tông, hộp bằng gỗ ép...), cọc chống, ván cốp pha gãy nát, các thiết bị hỏng trong quá trình thi công xây dựng.

- Đất đào công trình chính, hạ tầng phụ trợ, hồ bể của hệ thống xử lý nước thải, hầm ngâm phân, san nền. Tận dụng đắp tại chỗ, không vận chuyển ra bên ngoài dự án.

c. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng. Thành phần gồm: bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy, dẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải,...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án bao gồm: Tiếng ồn từ các loại máy móc thi công tại công trường (máy trộn bê tông, máy đầm,...); tiếng ồn từ hoạt động thi công hàn, cắt,...

- Nguồn phát sinh độ rung do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công chủ yếu là ô tô tải vận chuyển, máy đầm, máy trộn bê tông, máy đào,…

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công: tác động do nhiệt thừa, tác động đến môi trường đất, hệ sinh thái khu vực; an toàn lao động và sự cố môi trường; sức khỏe cộng đồng; tình hình kinh tế - xã hội; hoạt động vận chuyển ảnh hưởng đến giao thông khu vực Dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của 50 cán bộ, công nhân viên tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng 5,0 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), dầu mỡ, chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi với lưu lượng khoảng 218,98 m^3/ngày đêm, trong đó: nước tiểu heo 52,8 m^3/ngày.đêm; nước khử trùng người 1,0 m^3/ngày.đêm; nước khử trùng xe 5,4 m^3/ngày.đêm; nước xả gầm 8 m^3/ngày.đêm; nước ngâm phân 135,52 m^3/ngày.đêm; nước xịt vệ sinh chuồng nuôi và xịt rửa sau 1 lần xuất bán heo 10 m^3/ngày.đêm; nước vệ sinh từ bể ngâm rửa tấm đan 3,36 m^3/ngày.đêm; nước thải phun sương khử mùi sau quạt hút 1,8 m^3/ngày.đêm; nước thải vệ sinh thiết bị khử trùng và chuyển hóa hữu cơ 0,1 m^3/ngày.đêm; nước thải dung dịch sau xử lý xác heo: 1m^3/mẻ/ngày; còn lại được dùng để tưới gốc cây trồng trong khuôn viên Dự án vào mùa khô; vào mùa mưa được lưu chứa tại ba (03) hồ chứa nước sau xử lý tại dự án, không thoát ra môi trường bên ngoài. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5, COD, tổng Nitơ, TSS, Tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn vận hành. Thành phần chủ yếu là đất, cát, cành lá cây.

b. Khí thải

- Mùi và khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi heo khu vực chuồng nuôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CO_2, H_2S, NH_3, CH_4.

- Mùi, khí thải phát sinh từ hầm Biogas. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H_2S, NH_3, CH_4, Methyl Mercaptan.

- Mùi, khí thải phát sinh từ khu vực ép phân, nhà để phân. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H_2S, NH_3, CH_4, Methyl Mercaptan.

- Mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống XLNT. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H_2S, NH_3, CH_4, Methyl Mercaptan.

- Mùi từ khu vực tập trung chất thải sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H_2S, NH_3, CH_4, Methyl Mercaptan.

- Khí thải từ hoạt động nấu ăn của nhà ăn (sử dụng gas). Thông số ô nhiễm đặc trưng: CO_2, NO_x, CO, VOC.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2, NO_x, CO.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển heo con nhập đàn, thức ăn, thuốc men, heo thương phẩm xuất bán... Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2, NO_x, CO.

- Mùi từ quá trình vận chuyển heo. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CO_2, H_2S, NH_3, CH_4.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại dự án trong giai đoạn vận hành. Thành phần chủ yếu gồm: Vỏ chai lọ, giấy, túi nilon, vỏ trái cây, rau quả, thức ăn thừa.

b. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải chăn nuôi: gồm phân heo phát sinh trong quá trình chăn nuôi; heo chết trong phát sinh quá trình chăm sóc do ngộp, còi cọc; xương heo sau xử lý phát sinh của thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ; hoạt động chăn nuôi phát sinh tấm làm mát thải bỏ; chất thải rắn thông thường khác với thành phần chủ yếu: dụng cụ thiết bị chăn nuôi hư hỏng, vật liệu lọc thải bỏ của hệ thống xử lý nước thải, lõi lọc và vật liệu hấp phụ thải bỏ của hệ thống đốt khí biogas (bông lọc, than hoạt tính thải bỏ)…

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; Bùn thải từ hầm Biogas.

c. Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 80 kg/tháng. Thành phần chủ yếu: bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải); bao bì thuốc thú y thải; bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại; dầu động cơ thải; pin, ắc quy thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại; chất thải lây nhiễm…

- Xác heo chết do dịch bệnh phát sinh không thường xuyên, được quản lý như chất thải nguy hại.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn: Hoạt động chăn nuôi heo, hoạt động từ phương tiện vận chuyển thức ăn chăn nuôi, vận chuyển heo; từ hoạt động của máy phát điện, máy ép phân, máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải; tiếng kêu của đàn heo…

- Nguồn phát sinh độ rung do hoạt động của các phương tiện, máy móc chủ yếu là ô tô vận chuyển, máy ép phân,...

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

Trong giai đoạn vận hành: tác động đến kinh tế - xã hội; các rủi ro, sự cố như cháy nổ, tai nạn lao động, dịch bệnh, sự cố môi trường, sự cố do thiên tai, sạt lở khu vực trại, vỡ thành bao hồ biogas, khoan giếng không thành công.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn thi công:

- Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt: xây dựng 01 nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng, bể tự hoại 3 ngăn và hầm biogas trước để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh lưu chứa trong hầm biogas (kích thước 50 m x 30m x 6 m) lót bạt HDPE chống thấm đảm bảo không cho nước thải phát sinh ra bên ngoài môi trường. Toàn bộ nước thải lưu tại hầm biogas sẽ được dẫn qua hệ thống xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành chính thức để xử lý đạt chuẩn trước khi tái sử dụng vào vệ sinh chuồng trại.

+ Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng → Bể tự hoại 3 ngăn → Biogas lưu chứa trong giai đoạn xây dựng → hệ thống xử lý nước thải (giai đoạn vận hành).

- Biện pháp thu gom, xử lý nước thải xây dựng: Xây dựng hệ thống cầu rửa xe và cống để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe, rửa máy móc từ hoạt động trộn bê tông tại công trường vào 01 bể lắng tạm. Nước thải sau khi qua bể lắng đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được sử dụng làm ẩm vật liệu và tưới nước dập bụi trên công trường thi công; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến vị trí đổ thải phế thải xây dựng.

+ Quy trình xử lý: nước thải từ hoạt động rửa xe → bể lắng cặn → nước rửa sau khi được lắng cặn (đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) → làm ẩm vật liệu và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các mương rãnh thoát nước tạm, sử dụng 01 hố ga lắng trước khi thoát ra khe rãnh cạn thoát nước mặt khu vực. Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên khơi thông hệ thống rãnh thoát nước để tránh tắc, gây ngập úng.

+ Quy trình xử lý: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → môi trường.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Quy trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn sau đó chảy về bằng đường ống PVC Φ200mm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Dự án xây dựng 05 bể tự hoại, bố trí ở các vị trí sau: 01 bể tại Nhà công nhân 1, 01 bể nhà công nhân 2, 01 bể nhà điều hành, 01 bể nhà kỹ thuật, 01 bể nhà ăn, bếp ăn.

+ Nước thải từ các dãy chuồng nuôi được thu gom bằng cống BTCT Φ600mm dẫn nước thải về bể thu gom.

- Quy trình, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải (sinh hoạt và chăn nuôi):

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh → 05 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 9 m^3/bể; nước thải nấu ăn → Bể tách mỡ → Đấu nối vào HTXLNT tập trung công suất 270 m^3/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải chăn nuôi heo phát sinh từ các dãy chuồng nuôi → Hầm ngâm phân (ngâm 16 ngày) → Bể thu gom → Máy ép phân → 02 Hầm biogas → Hồ điều hòa/lắng → Đấu nối vào HTXLNT tập trung công suất 270 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 270 m^3/ngày đêm như sau:

Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, bể tách mỡ và nước thải chăn nuôi) với lưu lượng 223,98 m^3/ngày đêm → Hố CT → Máy tách phân → Bể thu gom → 02 Hầm biogas (nối tiếp nhau) → Hồ điều hòa/lắng → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hoá lý 2 → Hồ sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng → 03 hồ chứa nước sau xử lý có tổng dung tích hữu dụng 15.129 m^3. Các hồ này được thông với nhau bằng đường ống uPVC 220 mm để luân chuyển nước giữa các hồ. Nước thải được tái sử dụng cho hoạt động xịt vệ sinh chuồng nuôi, ngâm rửa tấm đan, ngâm phân, xả gầm; phun sương khử mùi sau quạt hút, vệ sinh thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ, tưới gốc cây và không được xả ra môi trường.

+ Toàn bộ nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành của dự án phải được thu gom, đấu nối về hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý đạt quy chuẩn trước khi tái sử dụng, không được phép sử dụng nước thải chưa xử lý đạt chuẩn tại các hạng mục của HTXL và hạng mục khác để tái sử dụng (bao gồm tưới gốc cây trồng). Nước thải sau xử lý tuần hoàn tái sử dụng toàn bộ cho các hoạt động chăn nuôi và tưới gốc cho cây trồng sau khi được cấp giấy chứng nhận hợp quy theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

- Cân bằng nước của Dự án trong mùa mưa và mùa khô như sau:

Về mùa mưa (06 tháng, từ tháng 5 đến tháng 10):

+ Mùa mưa không tưới cây nên toàn bộ nước thải 223,98 m^3/ngày đêm, tương ứng với 40.316,4 m^3/06 tháng) dẫn về hệ thống xử lý công suất 270 m^3/ngày đêm để xử lý (đạt QCVN 62:2025/BTNMT (Cột B) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT, sau đó được bơm vào 03 hồ chứa nước có diện tích 3.750 m^2 với tổng dung tích chứa 15.129 m^3.

+ Lượng nước thải sau xử lý tái sử dụng vào chuồng nuôi (188,98 m^3/ngày đêm, tương ứng với 34.016,4 m^3/06 tháng) được sử dụng vào các mục đích: vệ sinh chuồng nuôi sau 1 lần xuất bán heo (10 m^3/ngày đêm); nước cấp ngâm phân (135,52 m^3/ngày đêm); nước cấp cho xả gầm (khoảng 8 m^3/ngày đêm); nước vệ sinh ngâm tấm đan (3,36 m^3/ngày đêm); nước phun sương khử mùi sau quạt hút (32 m^3/ngày đêm); nước thải vệ sinh thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ xác heo (0,1 m^3/ngày đêm).

+ Tổng lượng nước mà 03 hồ chứa nước thải sau xử lý lưu chứa trong 06 tháng mùa mưa là: (40.316,4 m^3 nước thải sau xử lý + 8.868,75 m^3 nước mưa) – (34.016,4 m^3 nước tái sử dụng chuồng nuôi + 1.777,9 m^3 nước bốc hơi) = 13.390,85 m^3. So sánh với tổng dung tích chứa của 03 hồ chứa là 15.129 m^3, do đó, toàn bộ nước thải sau xử lý có thể lưu chứa trong 06 tháng mùa mưa, không xả ra môi trường.

Về mùa khô (06 tháng, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau):

+ Toàn bộ nước thải 223,98 m^3/ngày đêm, tương ứng với 40.316,4 m^3/06 tháng) dẫn về hệ thống xử lý công suất 270 m^3/ngày đêm để xử lý (đạt QCVN 62:2025/BTNMT (Cột B) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

+ Lượng nước thải sau xử lý tái sử dụng vào chuồng nuôi (188,98 m^3/ngày đêm, tương ứng với 34.016,4 m^3/06 tháng) được sử dụng vào các mục đích: vệ sinh chuồng nuôi sau 1 lần xuất bán heo (10 m^3/ngày đêm); nước cấp ngâm phân (135,52 m^3/ngày đêm); nước cấp cho xả gầm (khoảng 8 m^3/ngày đêm); nước vệ sinh ngâm tấm đan (3,36 m^3/ngày đêm); nước phun sương khử mùi sau quạt hút (32 m^3/ngày đêm); nước thải vệ sinh thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ xác heo (0,1 m^3/ngày đêm).

+ Lượng nước tồn dư trong hồ vào mùa mưa: 13.390,85 m^3/6 tháng.

+ Lượng nước tưới gốc cây: bơm 35 m^3/ngày (tương đương 6.300 m^3/6

tháng) từ hồ chứa nước sau xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT, sau khi được hợp chuẩn, hợp quy theo quy định) và bơm bổ sung 14.952 m^3/6 tháng từ 03 hồ chứa nước sau xử lý và 02 hồ nước mưa (có tổng dung tích 38.461 m^3) để tưới gốc cây trồng trong khuôn viên Dự án (80.000 m^2 trồng chuối và cao su). Tổng lượng nước tưới gốc cây là 21.252 m^3/6 tháng mùa khô.

=> Tổng lượng nước mà 03 hồ chứa nước thải sau xử lý lưu chứa trong 06 tháng mùa khô là: (40.316,4 m^3 nước thải sau xử lý + 1.530,75 m^3 nước mưa + 13.390,85 m^3 nước tồn dư mùa mưa) – (21.252 m^3 nước tưới cây + 3.747,8 m^3 nước bốc hơi + 34.016,4 m^3 nước tái sử dụng vào chuồng nuôi) = (- **3.778,2** m^3). Do đó, vào mùa khô sẽ tiêu thụ hết nước sau xử lý và nước lưu trữ tồn dư trong hồ chứa. Toàn bộ nước thải được tái sử dụng trong chăn nuôi và phục vụ tưới cây trong khuôn viên dự án.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại các vị trí của hệ thống xử lý nước thải (bao gồm: đầu vào hệ thống, đầu ra tại vị trí trước khi bơm tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây) để theo dõi, quản lý.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án được thu gom vào hệ thống bê tông gạch, dạng hở (rộng 1,2m, sâu 0,6m), tách riêng với hệ thống thu gom nước thải, được thu gom về 02 hồ chứa nước mưa của dự án có thể tích hữu dụng 38.461 m^3. Tuy nhiên vào những ngày mưa lớn liên tục, nước mưa sẽ thoát ra ngoài về khe cạn phía Đông Nam của Dự án có tọa độ X=1612563.863; Y=525326.653 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°30', múi chiếu 3 độ).*

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công

- Sử dụng phương tiện đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- Định kỳ tưới nước để làm tăng độ ẩm cho đất tại khu vực xây dựng, đường giao thông với tần suất 2 lần/ngày.

- Chủ dự án và nhà thầu xây dựng có những quy định cụ thể đối với công nhân lao động tại công trường, cũng như việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

- Toàn bộ lượng đất đào được tận dụng để san nền cho việc xây dựng nên không có hoạt động vận chuyển đất đào ra khỏi dự án.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại để giao nhận hàng. Không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, đưa heo lên xuống xe, không chở quá tải.

- Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng. Kiểm tra, bảo dưỡng xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.

- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại kho chứa cùng thời điểm. Vệ sinh sân bãi và đường bộ hằng ngày. Khi chạy trong khuôn viên Dự án các phương tiện phải giảm tốc độ dưới 5 km/giờ.

- Thường xuyên vệ sinh, thu gom rác để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông ra vào khuôn viên dự án, nhất là những ngày hanh khô.

- Bê tông hóa sân đường nội bộ; tắt máy khi ra vào khu vực dự án; phun ẩm sân bãi thường xuyên những ngày nắng nóng.

- Máy phát điện đặt trong phòng máy riêng thuộc khu kỹ thuật, cách biệt khu vực văn phòng, khu vực sản xuất.

- Xây dựng khu nhà ăn thông thoáng; thường xuyên thu gom rác tập trung khu chứa rác, không để tồn đọng rác.

- Lắp đặt quạt hút khói để đưa lượng khói, mùi phát sinh trong quá trình nấu nướng ra ngoài.

- Đối với mùi phát sinh từ quá trình chăn nuôi:

+ Tiến hành vệ sinh chuồng trại thường xuyên, thiết kế hệ thống ống dẫn nước đảm bảo dẫn nước về Biogas không ứ đọng.

+ Hầm Biogas được phủ kín bằng bạt HDPE để hạn chế phát tán mùi; đổ thêm các chế phẩm sinh học vào hầm Biogas để tăng cường quá trình phân giải các chất hữu cơ, quá trình hấp thụ và loại bỏ các chất gây mùi đặc biệt như khí H_2S, NH_3 và các hợp chất gây mùi thối trong chất thải.

+ Sử dụng quạt hút khí cuối chuồng nuôi (128 quạt hút, mỗi chuồng 08 quạt x 16 chuồng). Lắp hệ thống xử lý mùi cuối chuồng nuôi bằng buồng lưới kết hợp giàn phun sương có đầu phun (nước phun được pha chế phẩm sinh học LS-OLENTA), phun liên tục vào tấm lưới để tạo màng nước hấp thụ mùi, sau đó khí được thoát ra môi trường qua tấm lưới.

++ Quy trình hoạt động của hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút chuồng nuôi như sau: Mùi từ sau giàn quạt hút → Hệ thống đường ống có béc phun sương chế phẩm khử mùi → Tấm lưới hấp thụ mùi → Môi trường.

+ Tần suất phun: 18 giờ/ngày; sử dụng chế phẩm sinh học LS-OLENTA để khử mùi, hấp thụ khí gây mùi từ chuồng nuôi.

+ Thu gom phân, vệ sinh chuồng trại thường xuyên.

+ Sử dụng hệ thống làm mát trại chăn nuôi bằng tấm Cooling pad.

+ Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng, bố trí hệ thống quạt hút hoạt động liên tục tăng cường độ thông thoáng.

+ Sử dụng thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ để xử lý xác heo chết không do dịch bệnh nhằm xử lý hiệu quả, giảm mùi hôi, hạn chế ô nhiễm môi trường, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững.

+ Đối với mùi từ khu xử lý chất thải:

++ Phun chế phẩm sinh học LS-OLENTA để khử mùi hôi tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, nhà đặt máy ép phân (có mái che, xây tường bao xung quanh), nhà chứa phân, bể thu gom, rãnh thoát nước.

++ Phân sau ép trộn vôi, phun chế phẩm EM sau đó đóng bao PP, chuyển vào nhà chứa phân và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng sản xuất phân bón theo quy định của ngành nông nghiệp.

++ Định kỳ hút bùn cặn trong hầm biogas để đảm bảo dung tích chứa.

- Khu văn phòng làm việc, khu sinh hoạt của công nhân được bố trí cách khu vực chuồng nuôi tối thiểu 200 m để giảm thiểu mùi hôi từ chuồng nuôi.

- Bể chứa phân thiết kế dạng có nắp đậy kín, ống thoát nước có độ dốc hợp lý, không để phân tồn đọng lâu trong bể chứa phân. Bể chứa phân được đặt ở các khu chuồng nuôi gần nhà để máy ép phân nằm trong khu xử lý chất thải của Dự án; nước thải từ hầm biogas được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung theo đường ống HDPE kín.

- Sử dụng chế phẩm sinh học EM để giảm thiểu mùi hôi: sử dụng hàng ngày dung dịch EM để châm vào hầm chuồng, xung quanh tường của chuồng nuôi, phun hàng ngày hoặc 3 lần/tuần, trong suốt thời gian chăn nuôi, pha 1 lít EM với 50 - 100 lít nước.

- Nhà chứa phân được xây dựng thông thoáng, có mái che, nền nhà đổ bê tông, xây tường bao xung quanh để tránh nước mưa chảy tràn; định kỳ rải vôi bột để hạn chế côn trùng xâm nhập với tần suất 01 lần/tuần.

- Giảm thiểu khí thải từ hầm biogas: lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải được đốt bỏ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo đúng quy định.

- Tại khu vực nhà văn phòng điều hành, nhà công nhân được lựa chọn trồng các loại cây cảnh (lộc vừng, lát hoa, hoa sứ), tiểu cảnh, thảm cỏ để tạo cảnh quan xanh, sạch.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 2 vị trí đặt các thùng chứa rác (tại khu vực thi công, tại cổng ra vào) để gom chất thải sinh hoạt. Thùng chứa rác được làm bằng nguyên liệu nhựa HDPE, dung tích 120 lít, nắp kín. Mỗi vị trí bố trí 2 thùng, có màu sắc khác nhau để phân biệt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương để thu gom, vận chuyển theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng: Toàn bộ chất thải rắn xây dựng (đất đào, gạch vỡ, ...) tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong khu vực dự án và phải đáp ứng quy định về vật liệu san lấp.

- Toàn bộ sinh khối, chất thải rắn từ hoạt động phát quang cây cối được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án: đối với các loại có thể tái chế, tái sử dụng như vụn sắt thép, bao bì xi măng,...được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu; các chất thải rắn thông thường khác hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt: được thu gom vào 08 thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 120 lít bố trí dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại để thu gom rác thải. Chất thải được tập kết về nhà để rác thải thông thường có diện tích 23,04 m^2. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đến khu vực tập trung rác tại xã Rờ Kơi để xử lý theo quy định, tần suất thu gom 2 ngày/1 lần.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Phân heo: sử dụng máy ép phân tách lọc phân thô ra khỏi nước thải trước khi nước thải xả vào hầm biogas; lượng phân này sau khi qua máy ép phân trộn chế phẩm EM và vôi bột, đóng bao và lưu chứa tại kho phân diện tích 108,72 m^2 (có mái che, nền đổ bê tông chống thấm, xây tường bao xung quanh để tránh nước mưa chảy tràn vào kho chứa); hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành thu mua phân heo định kỳ 1-2 tuần/lần.

+ Heo chết không do dịch bệnh được thu gom và được xử lý bằng thiết bị khử dịch và chuyển hóa hữu cơ với dung tích bồn khử dịch 1,6 m^3, khối lượng tối đa xử lý một mẻ 400 kg, lượng nước cấp 1000 lít/mẻ và 50 lít NaOH 5%. Tổng thời gian hoàn thành 1 mẻ 4h/mẻ. Kết quả sau xử lý dung dịch thủy phân được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý khoảng 1 m^3/mẻ, vụn xương được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy kín đặt tại nhà đặt máy khử dịch và chuyển hóa hữu cơ có kích thước DxR: 10,2 x 5,2 (m). Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm đưa về sân phơi bùn sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Bùn từ hầm biogas được định kỳ (3 năm đầu hút 1 lần, các năm kể từ năm kế tiếp theo mỗi năm hút 1 lần) định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và mang đi xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công

- Chất thải nguy hại được lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 5 m^2 (đặt tại kho dụng cụ thiết bị). Kho chứa chất thải nguy hại tạm

thời có mái che, tường tôn, nền láng xi măng. Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 03 thùng chứa chất thải dung tích 120 lít và 01 can 50 lít. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, kho chứa chất thải nguy hại tạm sẽ được tháo dỡ hoàn trả mặt bằng.

b) Trong giai đoạn vận hành

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, phân loại bắt đầu từ thời điểm đưa vào khu vực lưu giữ chất thải nguy hại. Sử dụng 09 thùng nhựa HDPE thể tích 120 lít/thùng, có nắp đậy trong kho lưu giữ chất thải nguy hại. Các thùng được dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại, ký hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại. Bố trí 01 nhà kho chứa chất thải nguy hại diện tích 23,04 m^2 để lưu trữ các loại chất thải nguy hại phát sinh. Nhà kho có mái che kín, mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Đối với xác heo chết do dịch bệnh: Bố trí quỹ đất dự phòng có diện tích 1.250 m^2 trong phạm vi dự án để xử lý khi xảy ra dịch bệnh. Chủ động thông báo với chính quyền địa phương và các cơ quan ban ngành có liên quan; phối hợp thực hiện các biện pháp khống chế dịch và xử lý xác heo nhiễm bệnh theo đúng quy định hiện hành.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công

- Sử dụng các máy xây dựng mới, chất lượng tốt, khả năng gây ồn thấp.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị giảm thanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định.

- Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động.

- Tiếng ồn sinh ra do các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, không để người lao động có thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong thời gian liên tục quá 08 tiếng, làm việc theo ca, trang bị quần áo bảo hộ lao động và thực hiện đúng các chế độ về an toàn lao động.

- Các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ tại từng khu vực để đảm bảo không gây tiếng ồn cho môi trường xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực Dự án.

- Công nhân chăm sóc heo phải cho heo ăn đúng giờ.

- Tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động phải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung trong quá trình vận hành phải đạt quy chuẩn QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Trong giai đoạn thi công

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở, sụt lún: Thực hiện đúng trình tự thi công, chỉ thực hiện công việc đắp nền, san nền sau khi kiểm tra thấy các rãnh nước đã hoạt động tốt. Cam kết thi công đúng kế hoạch, đặc biệt lưu ý hoàn thành trước cao điểm mùa mưa.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Xây dựng, hoàn thiện các công trình theo đúng quy mô thiết kế, cao độ xây dựng công trình; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa đảm bảo thời gian lưu chứa tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, có nhật ký vận hành, thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị. Thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có sự cố.

+ Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, toàn bộ nước thải chưa xử lý được bơm về hồ sự cố và tiến hành tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước

thải để kiểm tra; khóa chặn các van tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải. Sau khi khắc phục xong, bơm nước từ hồ sự cố và mở các van tại các bể chứa thành phần để nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, (cột B) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi tuần hoàn tái sử dụng vào mục đích vệ sinh chuồng trại, cấp nước ngâm phân, cấp nước xả gầm, vệ sinh ngâm tấm đan và tưới cây trong khuôn viên Dự án.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng không sửa chữa kịp thời, phải tạm dừng hoạt động một thời gian dài, Chủ dự án có biện pháp di dời bớt đàn hoặc di dời cả đàn đến khu vực nuôi khác.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố hầm biogas:

+ Sự cố rò rỉ khí gas từ hầm biogas: Lắp đặt đường ống dẫn khí có van đóng mở áp suất tự động để kiểm soát áp suất trong hầm biogas; thường xuyên kiểm tra hệ thống, kiểm tra đồng hồ đo khí biogas để đảm bảo tính ổn định của hệ thống. Khi phát hiện đường ống dẫn gas bị rò rỉ phải nhanh chóng đóng khóa van gas và khắc phục sự cố.

+ Sự cố ngạt khí, cháy nổ hầm biogas: Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định phòng cháy, chữa cháy cho hệ thống; kiểm tra đồng hồ đo khí biogas để kiểm tra tính ổn định của hệ thống, trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đạt hiệu quả như thiết kế kịp thời có biện pháp khắc phục.

+ Sự cố thủng, rách bạt hầm biogas: Khi thi công trước khi lót bạt, phía dưới hầm biogas phải được phủ một lớp đất sét. Trường hợp xảy ra sự cố thủng, rách bạt hầm biogas, không cho nước vào hầm biogas, đưa nước thải vào hồ sự cố trong thời gian sửa chữa; tiến hành sửa chữa hoặc thay thế vật liệu phủ khác cho bể; có biện pháp không để tràn phân, nước thải ra ngoài môi trường.

+ Sự cố hệ thống thu hồi khí gas từ hầm biogas: Hệ thống thu hồi khí biogas được lắp đặt đúng kỹ thuật; bồn chứa được lắp đặt kiên cố; lắp đặt đồng hồ đo áp suất, đầu đốt tự động (đốt flare); thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu khí từ hệ thống hầm biogas; khi phát hiện đường ống dẫn gas bị rò rỉ phải nhanh chóng đóng khóa van gas và khắc phục sự cố.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố lũ lụt, thiên tai, ngập úng, vỡ hồ chứa nước: Các hồ chứa nước, hầm biogas được làm bờ bao rộng, tạo mái taluy chống sạt lở, bờ bao quanh cao hơn cốt nền để không cho nước mưa chảy tràn vào các hồ; trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh mái taluy các hồ; định kỳ kiểm tra, giám sát hệ thống rãnh thu, hố lắng, khơi thông dòng chảy các hệ thống thoát nước.

- Phương án phòng ngừa đối với hệ thống xử lý mùi hôi:

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống quạt hút, hệ thống bơm phun khử mùi buồng xử lý cuối chuồng nuôi. Trang bị thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi bị hư hỏng như: lắp đặt thêm máy bơm phun sương nước xử lý

mùi chuồng nuôi; quạt thông gió cuối chuồng… Bố trí nhân viên vận hành đúng chuyên môn, kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

+ Khi hệ thống xử lý mùi hôi chuồng nuôi bị hư hỏng phải thực hiện tăng cường phun chế phẩm khử mùi phía cuối chuồng nuôi bằng biện pháp phun thủ công.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Trong quá trình thi công

- Ưu tiên sử dụng nhân lực tại địa phương trong giai đoạn thi công và giai đoạn hoạt động của dự án. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Thu dọn và hoàn trả mặt bằng sau khi thi công.

- Phát quang bằng biện pháp thủ công; không thực hiện xử lý thực bì bằng phương pháp đốt.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

b) Trong quá trình vận hành

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố dịch bệnh:

+ Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố dịch bệnh trong quá trình chăn nuôi theo đúng quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại đều phải được khử trùng; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi.

+ Xây dựng vùng cách ly, các chương trình khống chế một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của heo và bệnh từ heo lây sang người.

+ Lập chốt kiểm dịch phía ngoài dự án để giảm thiểu nguy cơ tiếp xúc các nguồn dịch phát tán.

+ Trường hợp xảy ra dịch bệnh có thể lây lan, báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được phối hợp, xử lý kịp thời theo đúng quy định; kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ra vào Dự án; phun tiêu độc khử trùng khu vực chuồng trại; thu dọn và xử lý chất thải tại khu vực chuồng nuôi.

+ Liên kết với các Trại trong hệ thống khu vực gần nhất chuẩn bị phương án di dời heo khi cần thiết.

+ Báo cáo và tuân thủ đúng theo hướng dẫn của cơ quan chức năng về kiểm dịch và xử lý dịch bệnh theo quy định.

- Có biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố do cháy nổ, chập điện; trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy, phù hợp với tiêu chuẩn quy định.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn khi cho người lao động làm việc gần các hồ chứa nước có độ sâu lớn trong Dự án; lắp đặt các đèn báo, biển cảnh báo nguy hiểm; xung quanh các hồ phải đắp đê cao đảm bảo an toàn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

a. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại khu vực đang xây dựng; 01 vị trí tại khu vực cổng vào Dự án).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, tiếng ồn (Leq), độ rung.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần trong suốt giai đoạn thi công xây dựng.

- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Theo TCVN hiện hành.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

a. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hồ chứa nước sau khi xử lý.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B).

b. Giám sát nước tưới cây

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hồ chứa nước sau khi xử lý.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, Cl^-, As, Cd, Cr tổng số, Hg, Pb, E.coli.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

d. Giám sát chất lượng không khí

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải; 01 vị trí tại khu vực hệ thống xử lý mùi từ chuồng trại (sau quạt hút).

- Thông số giám sát: NH_3, H_2S, Mercaptan tính theo Methyl Mercaptan.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

e. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Vị trí giám sát: 05 vị trí giếng khoan trong khu vực dự án.

- Thông số giám sát: pH, TDS, Độ cứng tổng số, Chỉ số Permanganat, Amoni (NH_4^+-N), Nitrat (NO_3^--N), Nitrit (NO_2^--N), Clorua (Cl^-), Phosphat (PO_4^{3-}), Asen (As), Tổng Coliform, E. coli.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, chỉ được triển khai hoạt động khi hoàn thành các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo nội dung Quyết định này và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Thực hiện đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường và báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Rờ Kơi trước khi dự án đi vào hoạt động để theo dõi, quản lý.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 62:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Tiến hành thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

- Xử lý mùi hôi tại các công đoạn phát sinh mùi hôi tại dự án (chuồng nuôi, nhà chứa phân, bể thu gom,…) đảm bảo theo quy định và hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường, dân cư khu vực, tránh trường hợp khiếu nại của người dân.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng CTR thông thường, CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành dự án, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và độ rung; tiến hành trồng cây với mật độ phù hợp đồng thời thực hiện các biện pháp và xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường để ngăn ngừa phát sinh và hạn chế phát tán mùi hôi, bụi, tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Khi xảy ra sự cố dịch bệnh phải thực hiện các biện pháp khắc phục đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật: Thực hiện ngăn chặn lây lan dịch bệnh ra ngoài khi xảy ra dịch bệnh; thực hiện phòng ngừa, ngăn chặn lây lan dịch bệnh sang người và bố trí quỹ đất dự phòng trên phần diện tích đất trống, cây xanh trong phạm vi dự án để chôn lấp, xử lý heo chết do dịch, diện tích hố chôn tuỳ thuộc vào khối lượng heo cần chôn lấp. Bố trí đủ diện tích dự phòng trong khuôn viên dự án để xử lý xác heo chết do dịch bệnh, hạn chế việc vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án để xử lý làm tăng nguy cơ phát tán dịch bệnh.

- Thực hiện và tuân thủ các thủ tục liên quan đến việc thăm dò, khai thác, giám sát nước dưới đất, đấu nối hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện dự án.

- Xây dựng, vận hành các hồ chứa, bể chứa nước thải đáp ứng kỹ thuật theo quy định, có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải trong trường hợp phát sinh sự cố.

- Bố trí camera quan sát khu vực chăn nuôi, khu vực xử lý nước thải để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý, giám sát theo quy định của pháp luật, đồng thời bố trí đường vào riêng biệt để kiểm tra, giám sát công trình xử lý

chất thải (bao gồm HTXL nước thải tập trung) để không ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi và thể hiện trên sơ đồ tổng mặt bằng của dự án.

- Lập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cho trạm xử lý nước thải. Khi phát hiện có dấu hiệu sự cố với trạm xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý chưa đạt yêu cầu, phải dừng ngay các hoạt động của hệ thống xử lý; thực hiện biện pháp lưu trữ, quay vòng xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn trước khi tuần hoàn tái sử dụng.

- Đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ dự án./.